

Số: 2107.1 /CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý II/2023 so với Quý II/2022.

Hưng Yên, ngày 21 tháng 07 năm 2023

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II/2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2022 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II/2023 so với Quý II/2022 như sau:

| CHỈ TIÊU | Kỳ | | Chênh lệch | |
|---|--------------|--------------|-------------------|-------------|
| | Quý II/2023 | Quý II/2022 | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ lệ (%) |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 791,0 | 693,8 | 97,2 | 14% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 0,0 | - | 0,0 | |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 791,0 | 693,8 | 97,2 | 14% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 707,7 | 593,8 | 113,9 | 19% |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 83,3 | 100,0 | (16,6) | -17% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 19,2 | 11,0 | 8,2 | 75% |
| 7. Chi phí tài chính | 55,5 | 39,4 | 16,1 | 41% |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết | (4,2) | 1,0 | (5,2) | 0% |
| 9. Chi phí bán hàng | 11,5 | 11,2 | 0,3 | 2% |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14,4 | 18,2 | (3,8) | -21% |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 16,9 | 43,0 | (26,2) | -61% |
| 12. Thu nhập khác | 0,0 | (0,2) | 0,2 | -102% |
| 13. Chi phí khác | 6,3 | 1,8 | 4,5 | 256% |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | (6,3) | (2,0) | (4,3) | 216% |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 10,6 | 41,0 | (21,9) | -53% |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 5,6 | 11,1 | (5,5) | -50% |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (1,3) | - | (1,3) | 0% |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 6,2 | 29,9 | (15,1) | -50% |
| 19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ | 6,2 | 29,9 | (15,1) | -50% |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/1CP | 79 | 486 | -407 | -84% |

1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý II/2023 so với Quý II/2022 giảm 15,1 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 50%, lãi cơ bản trên cổ phiếu Quý II/2023 so với Quý II/2022 giảm 407 đồng/CP.

Nguyên nhân:

2. Mặc dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Quý II/2023 tăng so với Quý II/2022 với giá trị là 97,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 14% trong khi đó giá vốn hàng bán tăng nhiều hơn 19%.

3. Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất Quý II/2023 so với Quý II/2022 tăng với giá trị 8,2 tỷ đồng

4. Các khoản chi phí bán hàng tăng nhẹ 2%, chi phí quản lý quý II/2023 giảm mạnh so với Quý II/2022 với tỷ lệ 21%. Tuy nhiên Chi phí tài chính, mà chủ yếu là chi phí lãi vay tăng nhiều 41% so với cùng kỳ năm trước là ảnh hưởng chính dẫn tới lợi nhuận bị sụt giảm.

Trong đầu năm 2023 thị trường xuất khẩu có sự suy yếu về lượng cầu và bắt đầu hồi phục dần các đơn vào cuối quý II. Tuy nhiên thị trường trong nước bắt đầu ổn định lại và bù đắp được phần doanh thu tới từ xuất khẩu. Lợi nhuận bị ảnh hưởng nhiều do yếu tố lãi suất vay vốn toàn thị trường có xu hướng tăng và tổng cầu các thị trường quốc tế không đạt như kỳ vọng; mức lãi suất cao toàn thị trường ảnh hưởng tới chi phí lãi vay toàn công ty cũng như cộng hưởng thêm tới từ chính sách thuế TNDN tại NĐ 132/2020 làm cho các chi phí thuế của công ty cũng đều tăng cao hơn làm lợi nhuận suy giảm.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý II/2023 so với Quý II/2022.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT. TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Tổng giám đốc



Bùi Quang Sỹ

